



		người; Nữ: 11 người, DTTS: 17 người). - Xã Bình Yên huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 26/11/2020 với 26 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 12 người, DTTS: 19 người). - Xã Linh Thông huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 23/11/2020 với 26 đại biểu (Nam: 16 người; Nữ: 10 người, DTTS: 20 người). - Xã Lam Vỹ huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 25/11/2020 với 28 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 14 người, DTTS: 23 người). - Xã Định Biên huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 18/11/2020 với 26 đại biểu (Nam: 15 người; Nữ: 11 người, DTTS: 22 người). - Xã Phú Tiến huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 22/11/2020 với 20 đại biểu (Nam: 6 người; Nữ: 14 người, DTTS: 15 người). - Xã Tân Thịnh huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 19/11/2020 với 26 đại biểu (Nam: 12 người; Nữ: 14 người, DTTS: 21 người). Xã Thần Sa huyện Võ Nhai: Tổ chức ngày 25/11/2020 với 26 đại biểu (Nam: 16 người; Nữ: 10 người, DTTS: 26 người).
<i>Hoạt động cấp xã đối với xã bền vững</i>		
1. Hội nghị triển khai kế hoạch năm 2020	1 hội nghị/xã (Tổng 11 hội nghị) Tổng số đại biểu: 266	Tổng số: 11 Hội nghị Tổng số đại biểu: 224/266 đại biểu - Xã Trung Lương huyện Định Hóa: Tổ chức ngày 21/12/2020 với 13 đại biểu (Nam: 4 người; Nữ: 9 người, DTTS: 6 người). - Xã An Khánh huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 18,19/12/2020 với 21 đại biểu (Nam: 15 người; Nữ: 6 người). - Xã Cát Nê huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 16,17/12/2020 với 21 đại biểu (Nam: 14 người; Nữ: 7 người). - Xã Khôi Kỳ huyện Đại Từ: Tổ chức ngày 18,19/12/2020 với 25 đại biểu (Nam: 18 người; Nữ: 7 người). - Xã Minh Lập huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 16/12/2020 với 12 đại biểu (Nam: 2 người; Nữ: 10 người, DTTS: 5 người). - Xã Hóa Trung huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 17/12/2020 với 12 đại biểu (Nam: 2



		người; Nữ: 10 người, DTTS: 3 người). - Xã Nam Hòa Trung huyện Đồng Hỷ: Tổ chức ngày 18/12/2020 với 21 đại biểu (Nam: 13 người; Nữ: 8 người, DTTS: 7 người). - Xã Đông Đạt huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 15/12/2020 với 24 đại biểu (Nam: 1 người; Nữ: 23 người, DTTS: 17 người). - Xã Cổ Lũng huyện Phú Lương: Tổ chức ngày 16/12/2020 với 22 đại biểu (Nam: 1 người; Nữ: 21 người, DTTS: 16 người). - Xã Thuận Thành thị xã Phổ Yên: Tổ chức ngày 16/12/2020 với 19 đại biểu (Nam: 4 người; Nữ: 15 người). Xã Thành Công thị xã Phổ Yên: Tổ chức ngày 16/12/2020 với 34 đại biểu (Nam: 8 người; Nữ: 26 người).
NGÀNH GIÁO DỤC		
Hoạt động 1: Tập huấn, triển khai cho lãnh đạo, cán bộ giáo viên, nhân viên về việc triển khai chương trình BCC trong trường học	- 01 Hoạt động với các nội dung: Triển khai các văn bản của Chính phủ, của Bộ GDĐT và của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự án “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” vay vốn WB của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt kế hoạch tăng cường năng lực, Kế hoạch truyền thông cấp nước sinh hoạt nông thôn và kế hoạch thay đổi hành vi hợp phần vệ sinh năm 2019 thuộc Dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên)	- Tổ chức ngày 02/10/2020 - Thành phần: Sở GDĐT và các ban ngành: 6 người; Phòng GDĐT: 03 x 4 phòng = 12 người; 25 trường mầm non, tiểu học, THCS 9 xã năm 2020 mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - Có 20 nam và 98 nữ ; có 84 Dân tộc ít người /118 người; 34 dân tộc kinh
Hoạt động 2: Hội nghị Tập huấn TOT cho sở GDĐT, Phòng GDĐT và Ban giám hiệu các trường học	- 01 Hoạt động với các nội dung: Hướng dẫn Giám sát việc thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong Trường học học. Đến thời điểm tháng 12/2020; 100% hiệu trưởng của các đơn vị trường học được	- Tổ chức ngày 03/10/2020 - Thành phần: Sở GDĐT và các ban ngành: 6 người; Phòng GDĐT: 03 x 4 phòng = 12 người; 25 trường mầm non, tiểu học, THCS 9 xã năm 2020 mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - Có 20 nam và 98 nữ ; có 84 Dân tộc ít người /118 người; 34 dân tộc kinh



	hường thụ dự án đã ký cam kết và nộp về Sở GDĐT riển khai, phổ biến chương trình vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi trong trường học về rửa tay bằng xà phòng và sử dụng bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh đối với phòng GDĐT, Bán giám hiệu các trường học trên địa bàn thụ hưởng chương trình.	
Hoạt động 3: Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông thay đổi hành vi của học sinh về nước sạch, vệ sinh trong trường học	- 01 Hoạt động với các nội dung: giúp cho học viên Nhận thức được ý nghĩa của chương trình và lợi ích khi xã đạt các tiêu chí “Vệ sinh toàn xã” Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị trường học cam kết với Ban chỉ đạo dự án Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên là nghiêm túc triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trong trường học. Thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi cho học sinh về cách sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh cũng như rửa tay bằng xà phòng theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo tốt các điều kiện vệ sinh đối với công trình nước sạch và vệ sinh trong trường học, bao gồm cả việc dọn vệ sinh hàng ngày và có sẵn nước sạch, xà phòng. Đảm bảo duy trì bền vững các tiêu chí cho “nhà tiêu hợp vệ sinh” trong trường	- Tổ chức ngày 16/10/2020 - Thành phần: Sở GDĐT và các ban ngành: 6 người; Phòng GDĐT: 03 x 4 phòng = 12 người; 25 trường mầm non, tiểu học, THCS 9 xã năm 2020 mỗi trường 4 người (01 Lãnh đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người. - Có 20 nam và 98 nữ ; có 84 Dân tộc ít người /118 người; 34 dân tộc kinh
Hoạt động 4: Tập huấn về giám sát, báo cáo về các hoạt động thực hiện trong trường	- 01 Hoạt động với các nội dung: - Hướng dẫn học viên cách đánh giá điều kiện vệ sinh, nước sạch của trường học và	- Tổ chức ngày 19/12/2020 - Thành phần: Sở GDĐT và các ban ngành: 6 người; Phòng GDĐT: 03 x 4 phòng = 12 người; 25 trường mầm non, tiểu học, THCS 9 xã năm 2020 mỗi trường 4 người (01 Lãnh



học đã thực hiện để đảm bảo chất lượng của các hoạt động được thực hiện .

đề nghị kiểm đếm bền vững năm 2020 về công tác giáo dục, hướng dẫn trẻ em, học sinh thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường (rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường tại trường học, tuân thủ việc ăn chín, uống chín, thay đổi thói quen, phong tục tập quán có nguy cơ dẫn đến mất vệ sinh, an toàn thực phẩm,...).

- Hướng dẫn học viên cách Đánh giá công tác tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện truyền thông hoặc tổ chức hoạt động ngoại khóa vào sáng thứ 2 hàng tuần tại các đơn vị, trường học về các hoạt động bảo vệ môi trường, nhằm nâng cao nhận thức của học sinh về thực hành vệ sinh, giữ gìn và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sống xanh, sạch đẹp, Phối hợp với các đơn vị trong xã để thực hiện đầy đủ các nội dung của Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra.

- Hướng dẫn học viên cách Đánh giá việc tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục vệ sinh cá nhân, NS-VSMT, sử dụng và bảo quản công trình nước sạch và vệ sinh trong trường học nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của học sinh.

đạo, 01CB Công đoàn và 01 CBYT trường học, 01 tổ trưởng CM) Tổng số 118 người.
- Có 22 nam và 96 nữ ; có 86 Dân tộc ít người /118 người; 32 dân tộc kinh

Ghi chú:

- Mục tiêu: Điền số lượng hoạt động theo kế hoạch

- Kết quả: Điền số lượng hoạt động đã thực hiện, số lượng người tham gia, số lượng nam, nữ và DTTS, ngày tháng năm thực hiện

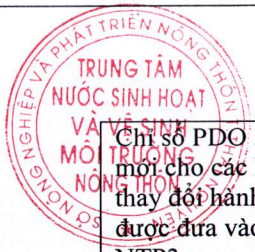


II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2020				
						Mục tiêu		Tự đánh giá kết quả đạt được		
Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình										
						<i>Từ xã VSTX theo KH</i>	<i>Từ đầu nổi nước theo KH</i>	<i>Từ các xã đạt được VSTX</i>	<i>Từ đầu nổi nước mới đạt được</i>	<i>Tổng số kết quả đạt được</i>
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS)	Tổng dân số	X		Số	42.312	34.146	27.648	34.146	26.432	54.080
	% nữ giới			%			51%		51%	
	Tổng số Hộ			số	10.765	8.543	6.912	8.543	6.608	15.515
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			%	15,1	17,09	30%	17,09	30%	
	% hộ DTTS			%	62,4	80,09	60	80,09	61	
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ		X	Số lượng	0	1.649		1.649		
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ					30%		30%		
Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	9		9		
Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng	11	11		10		



Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3

Có/ Không

No

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản

Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã

X

Tỉnh

1

1

1

Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu

Số lượng

Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC

Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)

9

9

9

Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai

Có/ không

Không

Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình

%

0

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Có cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động

Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)

Tổng số hộ đầu nối

X

X

Số lượng

0

6.912

6.608

% hộ gia đình có nữ là chủ hộ

0

30

30

Chỉ số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo

Tổng số

Số lượng

9

9

9

Trường học

Trạm y tế

9

9

9

Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện